



Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam
Sailing Tower, 111A Pasteur, Q1, TPHCM

Số: 196975.23
Ngày: 22/11/2023

THÔNG BÁO

V/V: Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành;
Căn cứ Thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số 192247.23 ngày 21/11/2023.

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản như sau:

- I. TÀI SẢN ĐẤU GIÁ
 1. Tài sản bán đấu giá, giá khởi điểm và bước giá: Theo danh sách tại Phụ lục I đính kèm thông báo này.
- II. KẾT QUẢ LỰA CHỌN
 1. Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không
 2. Tổng số Tổ chức đấu giá tài sản đáp ứng điều kiện xem xét, đánh giá: 03 tổ chức
 3. Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty ĐGHD Minh Pháp
 4. Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 84 điểm
- III. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn)

TT	NỘI DUNG	Công ty ĐGHD Trực tuyến Việt Nam	Công ty ĐGHD Minh Pháp	Công ty ĐGHD Dầu khí Việt Nam
A	Trường hợp từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ của tổ chức đấu giá tài sản			
1	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không	Không	Không
2	Tổ chức đấu giá tài sản cố ý cung cấp thông tin không chính xác hoặc giả mạo thông tin về tiêu chí trong hồ sơ	Không	Không	Không
3	Các trường hợp khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản	Không	Không	Không
B	Trường hợp xem xét, đánh giá hồ sơ của tổ chức đấu giá tài sản			
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	17,0	20,0	20,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	6,0	9,0	9,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0	8,0	8,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0	2,0	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	0,0	0,0	0,0



196975.23

TT	NỘI DUNG	Công ty ĐGHD Trực tuyến Việt Nam	Công ty ĐGHD Minh Pháp	Công ty ĐGHD Dầu khí Việt Nam
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0	1,0	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả	22,0	22,0	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0	4,0	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0	4,0	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0	4,0	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0	4,0	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0	3,0	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0	3,0	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	32,0	37,0	32,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá	6,0	6,0	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm	10,0	10,0	10,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)	5,0	5,0	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	2,0	3,0	2,0



TT	NỘI DUNG	Công ty ĐGHD Trực tuyến Việt Nam	Công ty ĐGHD Minh Pháp	Công ty ĐGHD Dầu khí Việt Nam
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản	4,0	4,0	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng	2,0	5,0	2,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3,0	3,0	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	0,0	1,0	0,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp	5,0	5,0	5,0
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	0,0	0,0	0,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	0,0	0,0	0,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0	5,0	5,0
V	Quá trình hợp tác với VIB	0,0	0,0	5,0
VI	Điểm trừ	Không	Không	Không
	Lý do trừ điểm	Không	Không	Không
	Tổng số điểm	76,0	84,0	84,0

TUQ. Tổng Giám đốc
Giám đốc Phòng QL&KTTS



Nguyễn Thị Ngọc Hà



PHỤ LỤC I
DANH SÁCH TÀI SẢN BÁN ĐẤU GIÁ

STT	TÀI SẢN BÁN ĐẤU GIÁ	GIÁ KHỞI ĐIỂM	BƯỚC GIÁ	THỦ TỤC ĐẤU GIÁ
1	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 3944, tờ bản đồ số: 139, địa chỉ: Phường Tân An, TP Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS 12961 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 30/03/2022, cập nhật thay đổi ngày 18/04/2022, cập nhật chuyển nhượng ngày 22/04/2022. Diện tích: 409.9 m2 (hình thức sử dụng: Sử dụng riêng), mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 100 m2; Đất trồng cây lâu năm 309.9 m2. Tài sản này được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3.792.000.000 đồng	5.000.000 đồng	Thông thường
2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1218, tờ bản đồ số: 56, địa chỉ: Khu phố Hòa Long, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An (nay là TP Thuận An), Tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03733/LT do UBND Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 19/01/2012. Diện tích: 168.7 m2 (hình thức sử dụng: riêng: 168.7 m2; chung: không m2), mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 100 m2; CLN: Đất trồng cây lâu năm 68.7 m2. Tài sản này được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	2.670.000.000 đồng	5.000.000 đồng	Thông thường
3	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 117-7-9, tờ bản đồ số: 5C (Sơ đồ nền), địa chỉ: E9 khu phố 2, Phường Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số: 9369, do Ủy ban nhân dân Quận 12, TP HCM cấp ngày 06/10/2003, cập nhật chủ sở hữu ngày 15/11/2013. Diện tích 76.4 m2 (hình thức sử dụng: Riêng: 76.4 m2); Tài sản gắn liền với đất là nhà ở; Tổng diện tích sử dụng: 60.1 m2; Diện tích xây dựng: 60.1 m2. Tài sản này được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	4.334.000.000 đồng	5.000.000 đồng	Thông thường
4	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 53, địa chỉ: ấp Phước Lợi, xã Phước Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CS09394 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 25/03/2022. Diện tích: 1.318m2 (Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng) – Mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 100m2, Đất trồng cây lâu năm 1.218m2. Tài sản này được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	1.542.000.000 đồng	5.000.000 đồng	Thông thường
5	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 164, tờ bản đồ số: 57, địa chỉ: Cư xá CTCG và Xây Lấp Số 9, KP10, phường An Bình - Tp. Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H00399 do UBND Tp. Biên Hòa cấp ngày 28/10/2005. Diện tích: 70 m2 (Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng) – Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Diện tích sàn: 98m2. Tài sản này được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	3.109.000.000 đồng	5.000.000 đồng	Thông thường



4